TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Chum E, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 9, khóm V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ 9, khóm V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (ông E có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà B vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chum E trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị Bé B tự tìm hiểu yêu thương nhau được 02 năm, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam (giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển 01 ngày 27/3/2009). Thời gian đầu, vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bị đơn chung sống với người khác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thị Thảo Tr1, sinh ngày 05/9/2012. Con chung hiện nay do nguyên đơn nuôi dạy nên nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Bé T (em của bị đơn) và xác minh tại Ban khóm Vĩnh Đông 1 ,phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc.

Bà Nguyễn Thị Bé T cho biết, bà là em ruột của bị đơn và có nhận các thông báo của Tòa án nhưng chưa giao lại được cho bị đơn do không liên lạc được với bị đơn. Trước đây thì bà và bị đơn có liên lạc với nhau. Tuy nhiên, 06 tháng nay thì không liên lạc được. Ông E và bà Bé B không sống chung với nhau khoảng 01 năm.

Trưởng Ban khóm Vĩnh Đông 1 - ông Mai Thiện T cho biết, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Vĩnh Đông 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Bị đơn bỏ đi vào đầu năm 2019, đi đâu và làm gì ban khóm không rõ.

Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ; nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông E, bà B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp,

làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình thế nhưng ông E và bà B đã ly thân từ năm 2018 đến nay cho thấy hôn nhân giữa ông E và bà B thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Nguyên đơn xác định trong thời kỳ hôn nhân với bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thị Thảo Tr1, sinh ngày 05/9/2012 hiện do nguyên đơn chăm sóc, nuôi dạy. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Huyền Tr được sống chung với cha (nguyên đơn), đề nghị tiếp tục giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho ông E tiếp tục nuôi dạy, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc vào ngày 27/3/2009; giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông E và bà B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông E, bà B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông E khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung, ông E xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thị Thảo Tr1, sinh ngày 05/9/2012. Hiện nay con chung do ông E nuôi dạy. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Huyền Tr muốn sống với cha. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao con chung cho ông E tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc. Ông E không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Ông E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chum E.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Chum E được ly hôn bà Nguyễn Thị Bé B.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Chum E được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thị Thảo Tr1, sinh ngày 05/9/2012 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bà Nguyễn Thị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn Chum E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Bé B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Chum E phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0007993 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông E đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Bé B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01, ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm